BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GTVT III

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671009 - Toán cao cấp | STC : 5(75,0,0,0,0,0) | Lần thi : 2
Lớp : | Năm học : 2012-2013 | Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Phạm Trần Hữu	Đức	3572031732	01/11/1992	2,30	,00	,70	
2	Lọc Gia	Phối	3673010410	02/08/1994	3,20	,00	,90	
3	Trần Thị Thùy	Dương	3673010414	01/11/1994	4,40	1,00	2,00	
4	Nguyễn Thị Bích	Chi	3673010420	1994	3,30	4,00	3,80	
5	Nguyễn Thị	Hồng	3673010450	02/03/1994	,00	,00	,00	
6	Thái Ngọc Bảo	Trâm	3673010459	03/08/1993	3,80	3,50	3,60	
7	Hoàng Thu	Phương	3673010489	27/11/1994	1,90	4,30	3,60	
8	Đỗ Minh	Trí	3673010517	17/10/1994	2,40	2,30	2,30	
9	Nguyễn Dương Thùy	Linh	3673010539	30/03/1994	3,40	,00	1,00	
10	Võ Thị Thanh	Thuý	3673010599	19/09/1994	2,00	3,50	3,10	
11	Ngô Thanh	Tâm	3673010601	1993	3,40	3,00	3,10	
12	Diệp Hồng	Yến	3673010616	20/04/1994	3,00	6,50	5,50	
13	Nguyễn Thiên	An	3673010634	09/04/1994	3,80	2,00	2,50	
14	Trần Minh	Hiếu	3673010673	05/11/1994	,00	,00	,00	
15	Nguyễn Minh	Cang	3673010676	26/09/1994	6,00	3,30	4,10	
16	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	3673010695	06/01/1994	2,40	2,00	2,10	
17	Nguyễn Văn	Sang	3673010707	26/06/1993	1,30	1,50	1,40	
18	Dương Bữu	Nguyệt	3673010737	08/07/1994	3,50	5,30	4,80	
19	Phạm Thanh	Quyên	3673010741	17/02/1994	5,70	3,80	4,40	
20	Nguyễn Thị Kiều	My	3673010749	19/10/1994	4,80	3,30	3,70	
21	Trịnh Thị Cẩm	Linh	3673010765	21/10/1994	2,80	2,50	2,60	
22	Nguyễn Thúy	Nhi	3673010771	05/11/1994	3,50	1,00	1,80	
23	Lê Thị Thu	Hằng	3673010835	23/05/1994	5,70	,00	1,70	
24	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	3673010838	19/10/1994	4,30	5,50	5,10	
25	Mai Thị Ngọc	Thuỷ	3673010844	19/02/1992	1,00	,00	,30	
26	Trần Ngọc My	Hương	3673010848	24/01/1993	1,00	5,50	4,20	
27	Trần Mỹ	Kim	3673010883	16/06/1994	1,70	1,30	1,40	
28	Đặng Thị Thanh	Hằng	3673010892	03/06/1994	6,70	6,30	6,40	
29	Phạm Thị Thu	Trang	3673010931	20/12/1993	3,90	4,50	4,30	
30	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	3673010941	05/11/1994	5,90	5,00	5,30	
31	Trần Minh	Tân	3673010949	01/03/1994	4,40	,00	1,30	
32	Trương Thị	Thu	3673010966	15/09/1994	4,20	,00	1,20	
33	Trần Thị Như	Ngọc	3673010979	10/07/1994	3,80	,00	1,10	
34	Trần Thị Kiều	My	3673011011	01/12/1993	2,70	4,00	3,60	
35	Trần Thị	Ánh	3673011014	09/07/1994	3,40	5,50	4,90	

Học phần : 0671009 - Toán cao cấp | STC : 5(75,0,0,0,0,0) | Lần thi : 2

Lớp : | Năm học : 2012-2013 | Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trần Thị Ly	Na	3673011022	07/10/1994	2,70	,00	,80	
37	Hồ Lê Ngọc	An	3673011034	16/05/1994	2,20	1,00	1,30	
38	Nguyễn Thị	Thương	3673011044	23/08/1994	6,80	5,80	6,10	
39	Vũ Văn	Hậu	3673011045	30/06/1994	3,80	,00	1,10	
40	Nguyễn Thị	Hiếu	3673011239	19/07/1994	2,90	4,50	4,00	
41	Trần Thị Ngọc	Dung	3673011255	21/10/1994	6,20	4,00	4,60	
42	Phạm Thị Hồng	Ngọc	3673011265	01/01/1994	5,40	5,00	5,10	
43	Vũ Thị	Hiền	3673011284	16/11/1994	,00	,00	,00	
44	Phạm Thị	Hoài	3673011289	28/10/1994	2,10	2,00	2,00	
45	Nguyễn Văn	Lối	3673011298	15/05/1993	5,30	5,00	5,10	
46	Nguyễn Quốc	Hoà	3673011304	30/07/1993	3,00	,00	,90	
47	Lê Thị Huyền	Trâm	3673011586	30/07/1994	5,90	4,50	4,90	
48	Tiền Minh	Hùng	3673011617	20/09/1994	3,80	,00	1,10	
49	Nguyễn Ngọc	Bích	3673011620	28/12/1994	7,20	4,80	5,50	
50	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	3673011623	19/06/1994	4,80	3,80	4,10	
51	Nguyễn Thị Minh	Quý	3673011624	17/02/1994	1,50	,00	,50	
52	Nguyễn Thị Thúy	Hòa	3673011834	15/07/1994	4,00	2,50	3,00	
53	Nguyễn Ngọc Minh	Tân	3673011836	24/06/1994	5,90	3,80	4,40	
54	Nguyễn Kim	Xinh	3673011840	01/01/1994	,00	,00	,00	
55	Huỳnh Thị Mỹ	Dung	3673011861	15/04/1994	5,90	8,00	7,40	
56	Dương Thị Thanh	Phường	3673011865	09/03/1994	5,30	5,50	5,40	
57	Nguyễn Thị Thu	Hiền	3673011898	27/07/1992	3,40	,00	1,00	
58	Đặng Tam	Sơn	3673011931	29/04/1994	5,90	3,30	4,10	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)